

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN  
CÁC SÔNG TỈNH GIA LAI**

**1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua**

Mức nước trên các sông của tỉnh Gia Lai trong 24 giờ qua: Phổ biến ít biến đổi đến dao động nhỏ, trên các sông An Lão, sông Lại Giang và sông Kôn chịu ảnh hưởng điều tiết của các công trình hồ chứa và đập dâng.

**2. Dự báo, cảnh báo**

Mức nước trên các sông suối tỉnh Gia Lai trong 24 giờ tới: Phổ biến ít biến đổi đến dao động nhỏ, trên các sông An Lão, sông Lại Giang và sông Kôn chịu ảnh hưởng điều tiết của các công trình hồ chứa và đập dâng.

Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Ít có khả năng xảy ra.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Ít có khả năng xảy ra.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30'/02/04/2026**  
**Tin phát lúc 11h30'/01/4/2026**

**Nơi nhận:**

- Ban PCTT-TKCN&PTDS tỉnh;
- BCH PCTT-TKCN&PTDS cấp xã;
- Báo và PTTH Gia Lai;
- VP UBND tỉnh Gia Lai;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai;
- Sở Công thương tỉnh Gia Lai;
- Phòng QLDB&TTDL KTTV;
- Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia;
- Đài KTTV Trung Bộ;
- Lưu Đài tỉnh.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



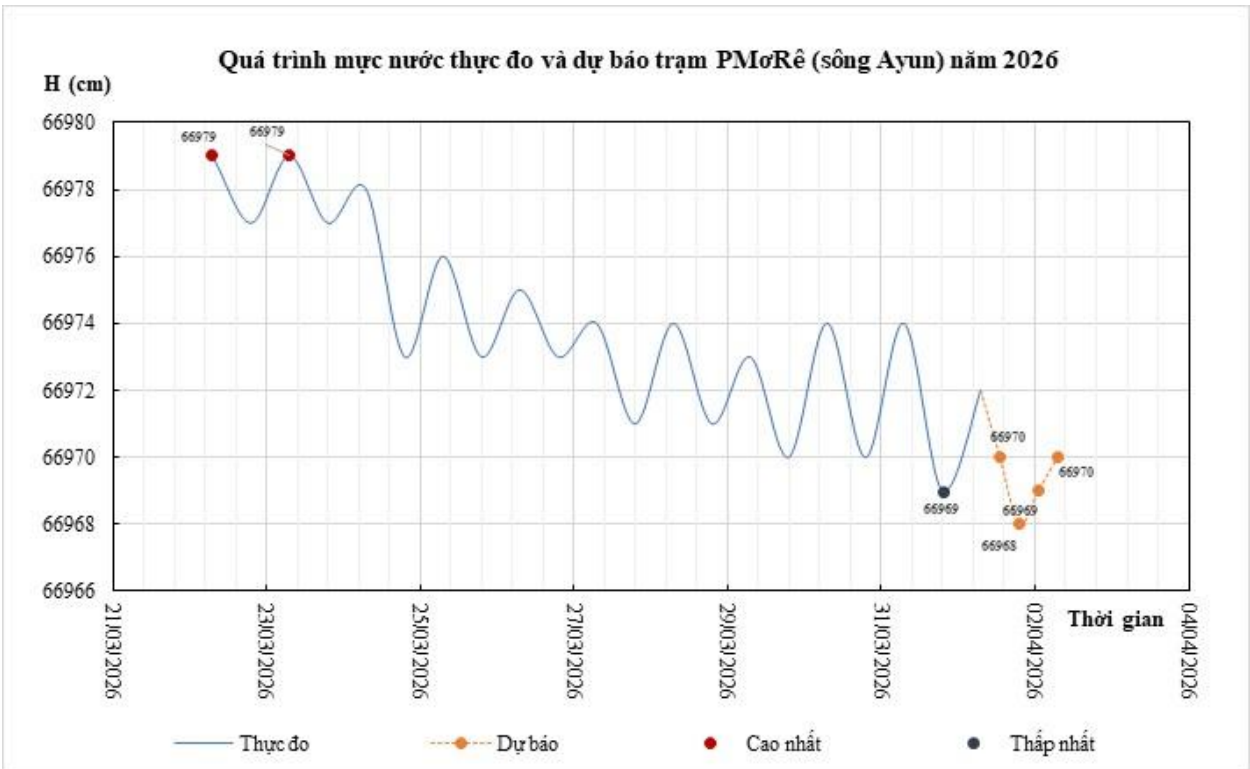
**Hà Quyết Thắng**

## PHỤ LỤC

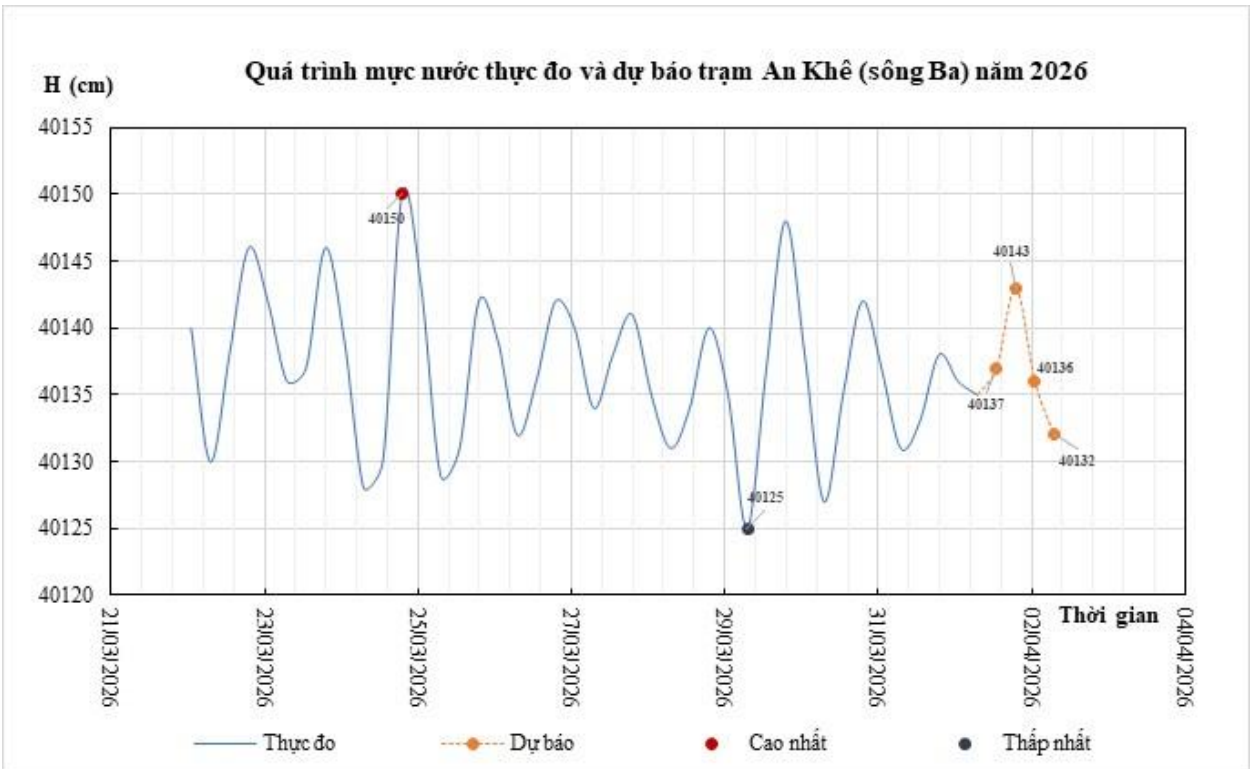
**Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm**

| Sông      | Yếu tố   | Trạm      | Thực đo  | Dự báo   |          |           |           |  |
|-----------|----------|-----------|----------|----------|----------|-----------|-----------|--|
|           |          |           | 07h/01/4 | 13h/01/4 | 19h/01/4 | 01h/02/04 | 07h/02/04 |  |
| Ayun      | H (cm)   | PMơRê     | 66972    | 66970    | 66968    | 66969     | 66970     |  |
|           | Q (m³/s) |           | 0.360    | 0.320    | 0.300    | 0.310     | 0.320     |  |
| Ba        | H (cm)   | An Khê    | 40135    | 40137    | 40143    | 40136     | 40132     |  |
|           | Q (m³/s) |           | 6.95     | 7.67     | 9.97     | 7.31      | 5.86      |  |
|           | H (cm)   | Ayun Pa   | 14878    | 14877    | 14876    | 14875     | 14877     |  |
|           | Q (m³/s) |           | 36.0     | 35.5     | 35.0     | 34.5      | 35.5      |  |
| An Lão    | H (cm)   | An Hòa    | 1915     | 1930     | 1928     | 1935      | 1917      |  |
|           | Q (m³/s) |           | 7.25     | 12.3     | 11.5     | 14.5      | 7.78      |  |
| Lại Giang | H (cm)   | Bồng Sơn  | 398      | 397      | 395      | 396       | 397       |  |
| Kôn       | H (cm)   | Vĩnh Sơn  | 6859     | 6858     | 6857     | 6858      | 6860      |  |
|           | H (cm)   | Bình Nghi | 1149     | 1150     | 1152     | 1151      | 1150      |  |
|           | H (cm)   | Thanh Hòa | 660      | 662      | 665      | 662       | 667       |  |

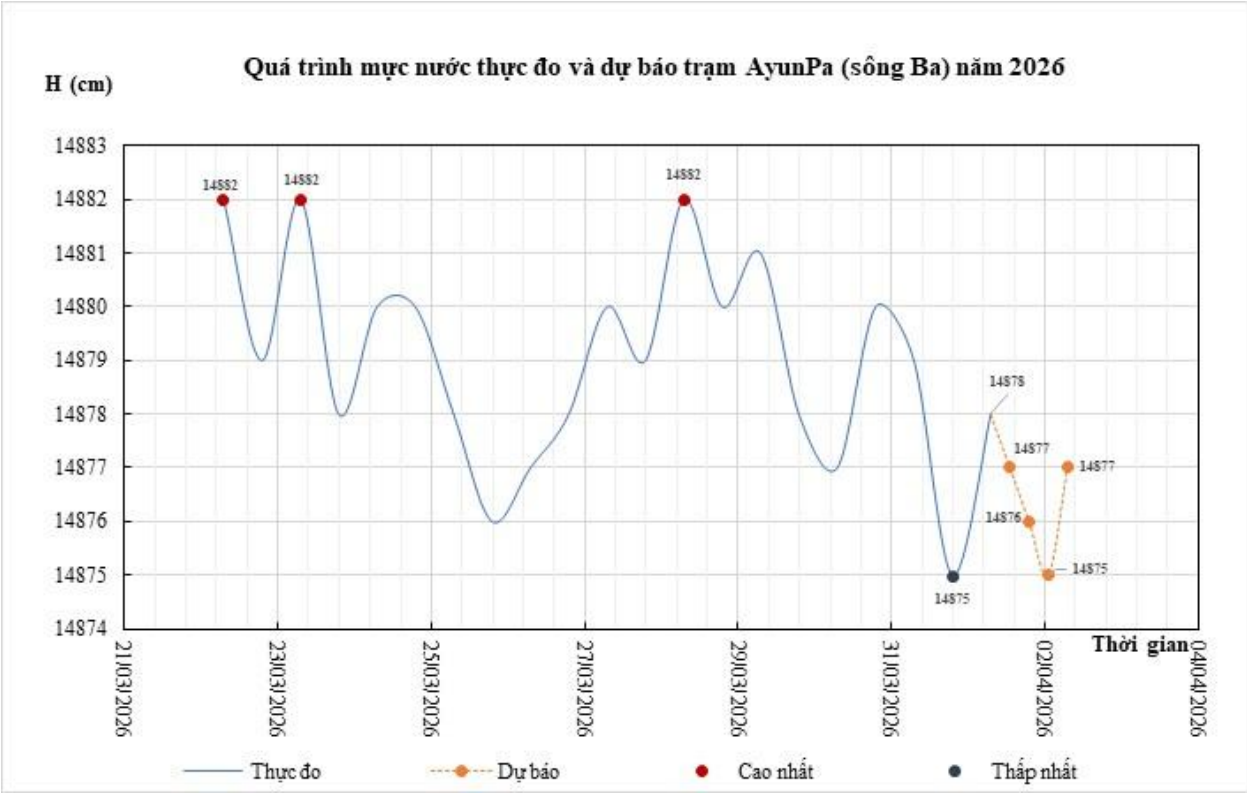
Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm



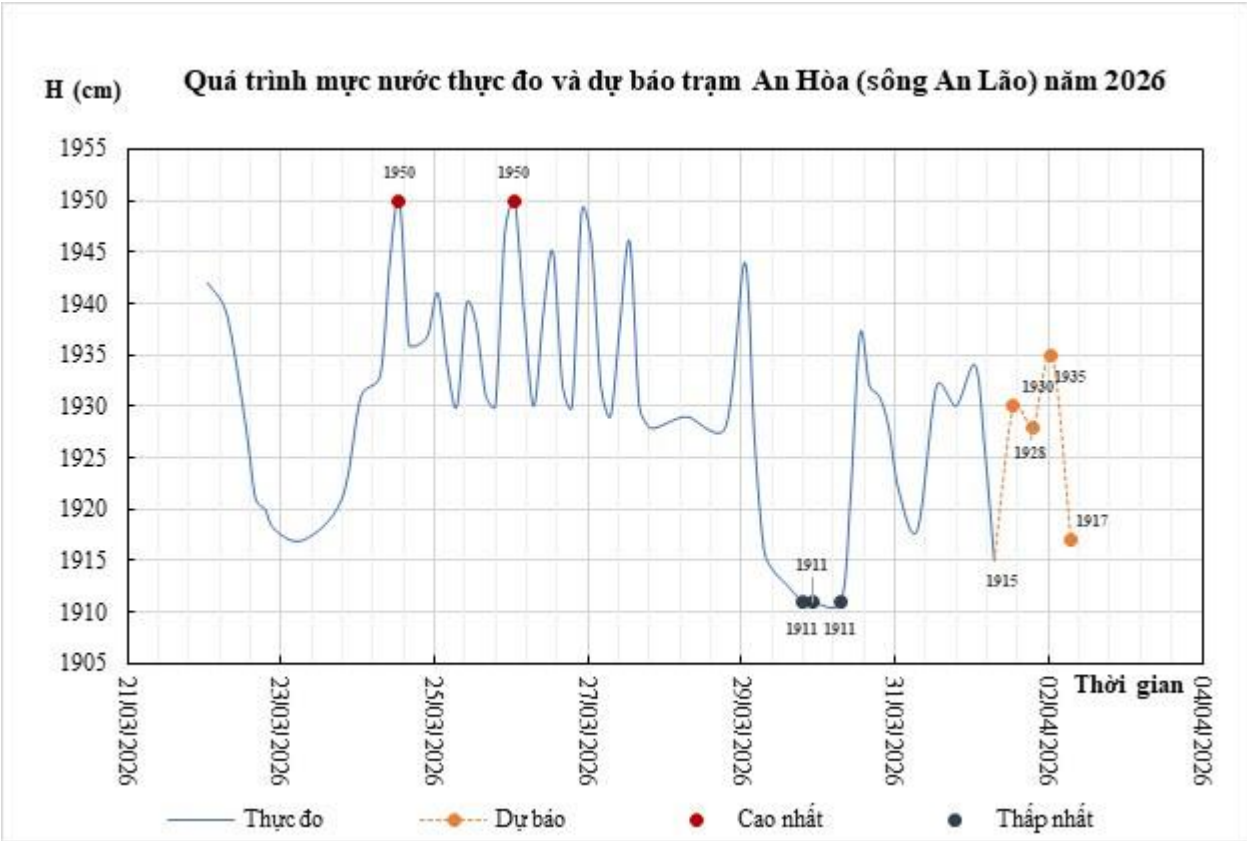
Hình 1: Quá trình mực nước thực đo và dự báo trạm thủy văn PMơRê



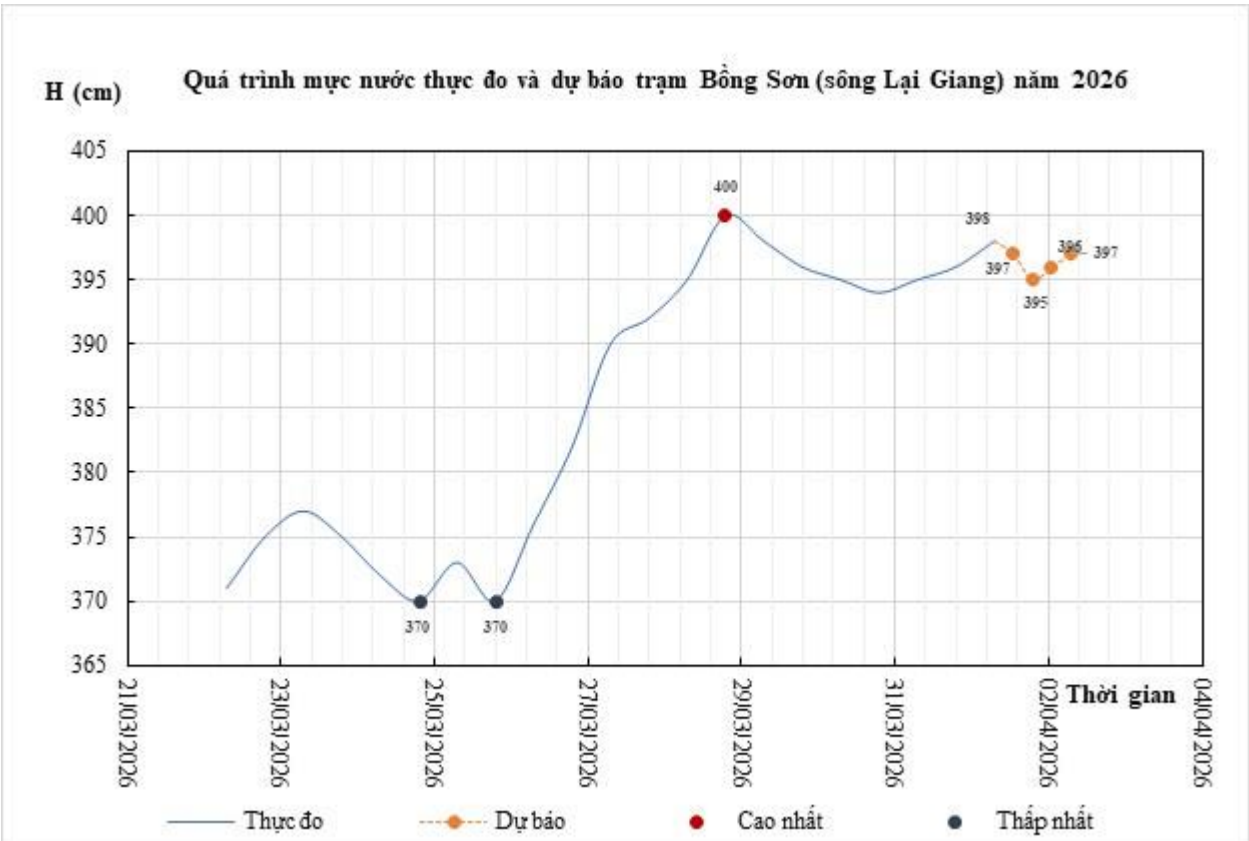
Hình 2: Quá trình mực nước thực đo và dự báo trạm thủy văn An Khê



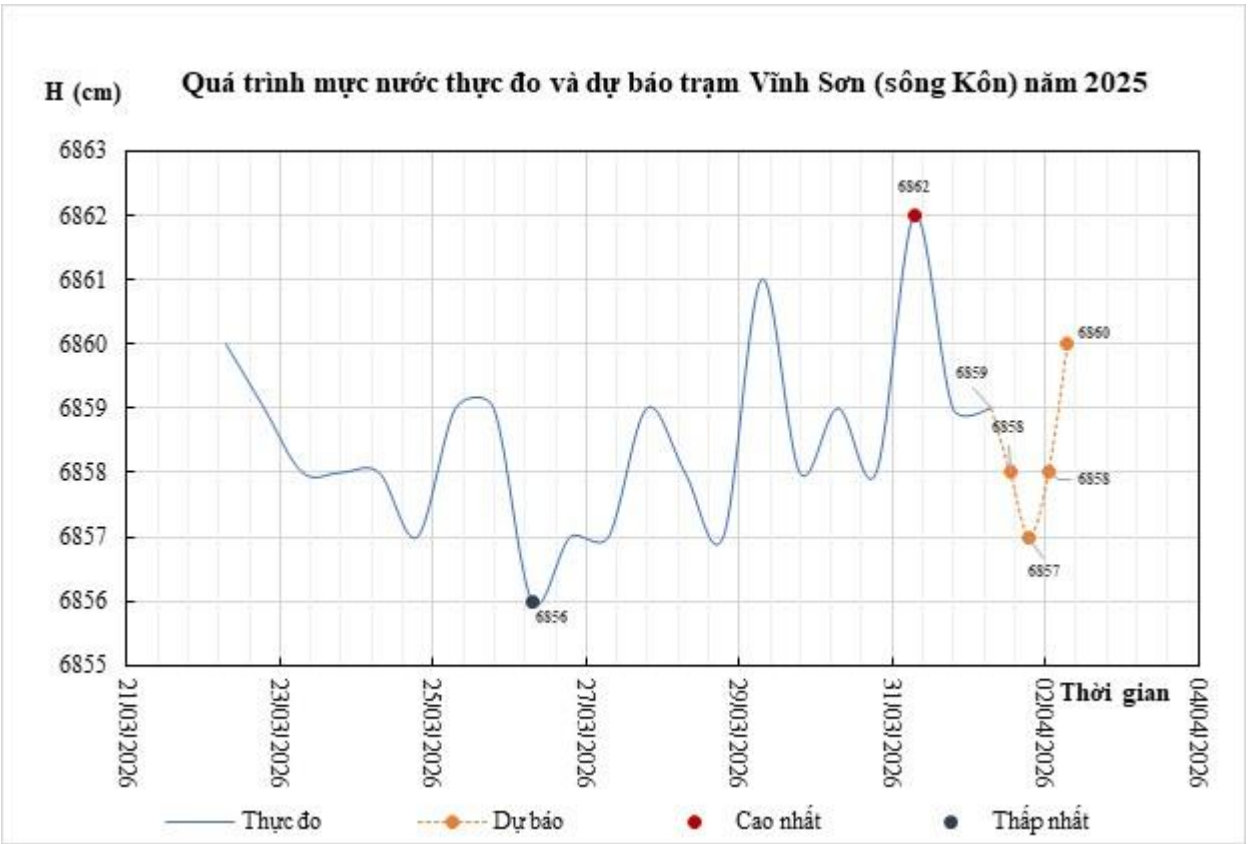
**Hình 3:** Quá trình mực nước thực đo và dự báo trạm thủy văn AyunPa



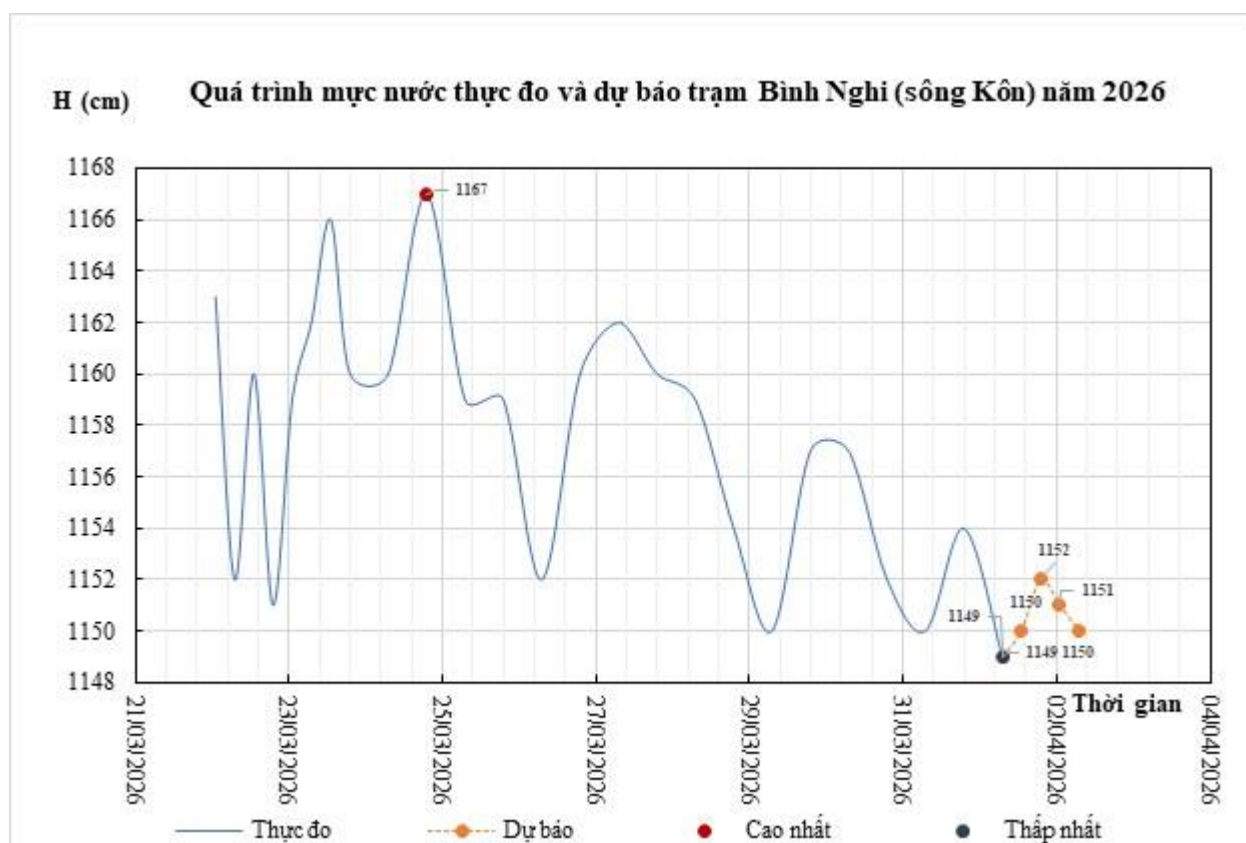
**Hình 4:** Quá trình mực nước thực đo và dự báo trạm thủy văn An Hòa



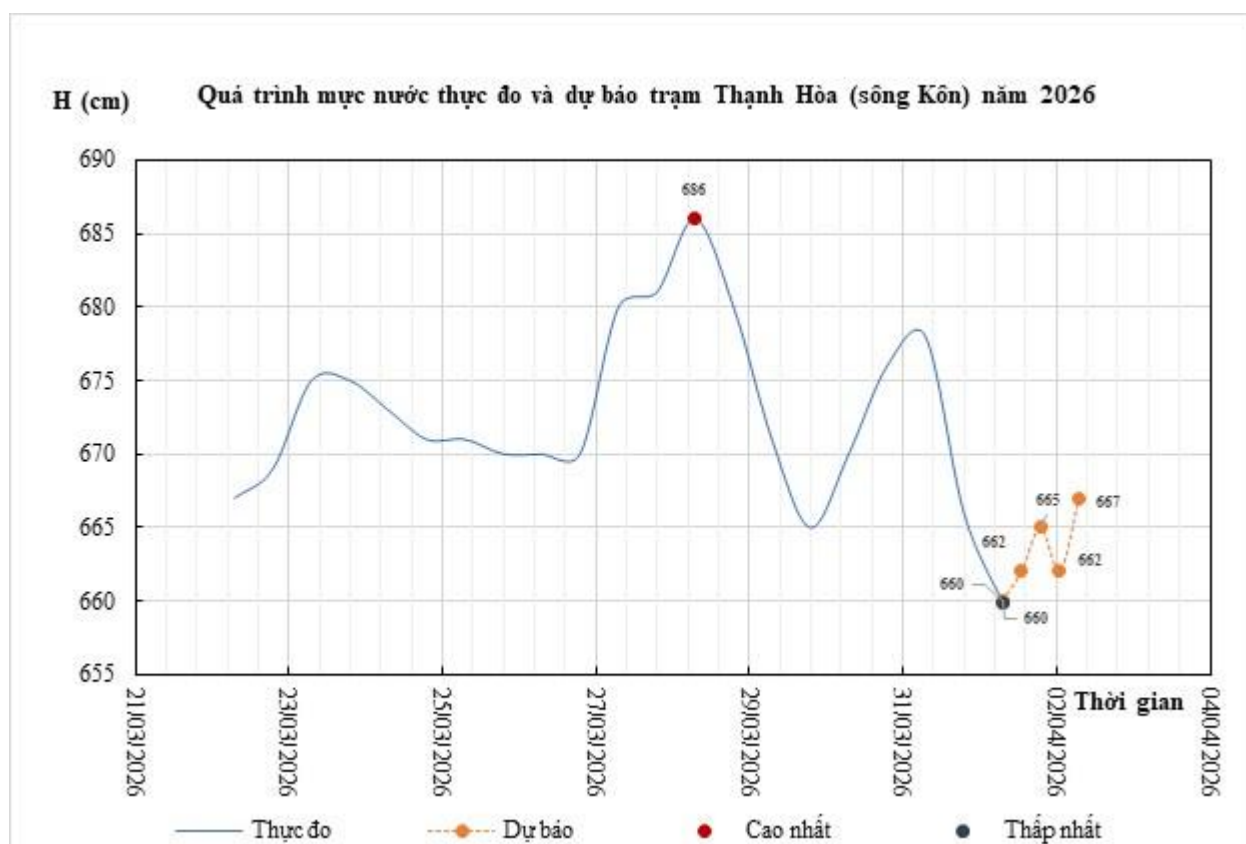
**Hình 5:** Quá trình mực nước thực đo và dự báo trạm thủy văn Bông Sơn



**Hình 6:** Quá trình mực nước thực đo và dự báo trạm thủy văn Vĩnh Sơn



**Hình 7:** Quá trình mực nước thực đo và dự báo trạm thủy văn Bình Nghi



**Hình 8:** Quá trình mực nước thực đo và dự báo trạm thủy văn Thạnh Hòa